

Phi CỬ Ngày Xưa

Nguyễn Giụ Hùng

TÀI LIỆU

SƠ LƯỢC THI CỬ NGÀY XƯA

CHƯƠNG BỐN

PHẦN 1

THI CỬ QUA NHỮNG TRIỀU ĐẠI

NGUYỄN GIỤ HÙNG

(Sưu tầm, chọn lọc, tổng hợp và trình bày)

Sách Khải Định chính yếu (ghi lại các sự kiện thời Khải Định) chép rằng tháng Giêng năm 1919, thể thức kỳ thi Hội với những thay đổi, vua Khải Định phê: “Lần này là khoa **thi Hội cuối cùng của triều đình**, nên trẫm muốn gia ân cho sinh viên sĩ tử khoa mục trong cả nước, hễ ai thông thạo hai thứ chữ Nho và chữ Pháp thì trình diện Bộ Học để xin vào ứng thí”.

Ngày 16-5-1919 (nhằm 17-4 âm lịch), kỳ thi Đình cuối cùng diễn ra trong cung vua.

LỜI NGƯỜI VIẾT

Dựa theo tài liệu trên, THI CỬ theo Nho học đã kết thúc cách đây vừa tròn 100 năm. Một trăm năm ngắn ngủi so với chiều dài gần 9 thế kỷ (1075-1919), mà mọi triều đình nước ta kể từ đầu nhà Lý trở về sau, ngoài việc tiến cử đặc biệt, sự tuyển chọn nhân tài cho đất nước đều do qua **thi cử** cả. Ấy vậy, khi ngoảnh nhìn lại, chúng tôi tự thấy mình không biết gì mấy về việc làm quan trọng như thế của người xưa nên cố gắng lục lọi, tìm tòi một số tài liệu trong các sách tham khảo ít ỏi có sẵn trong tay, và cộng thêm những bài viết trên NET để tạm vẽ nên một *vài nét sơ lược* về **thi cử Nho học ngày xưa**. Đề tài thì mênh mông, tài liệu tham khảo thì giới hạn, đôi chỗ lại khác biệt hay mâu thuẫn lẫn nhau, khó hiểu nên mong có sự đóng góp của quý vị độc giả để giúp chúng tôi có sự hiểu biết rộng rãi thêm và chính xác hơn.

LOẠT BÀI NÀY CHỈ PHỎ BIẾN GIỚI HẠN TRONG NHÓM THÂN HỮU *nhằm kỷ niệm một trăm năm* ngày chấm dứt thi cử Nho học tại Việt nam



* * *

Nhà Nho là người theo Nho học, hiểu đạo lý của thánh hiền đời xưa tức theo đạo Khổng Mạnh. Họ có chí hướng chung là *bồi đắp cho cương thường, giữ gìn lấy chính giáo* và lấy sự nghiệp mà giúp vua giúp dân giúp nước; *lấy phẩm hạnh* của mình làm mẫu mực cho người đời và được nhân quần xã hội mến phục.

Tùy theo cách sống và hành xử trong xã hội mà ta có thể chia ra nhiều loại:

Hiển nho là những người hiền đạt, thi đỗ làm quan giúp vua trị dân, có quyền hành, địa vị cao quý trong xã hội.

Ẩn nho là những người có cuộc sống ẩn dật, tuy có học thức, tài trí nhưng không muốn ra gánh vác việc đời mà thích vui thú an nhàn.

Hàn nho là những người có cuộc sống thanh bạch, hàn vi. Họ cũng theo học Nho học nhưng không đỗ đạt để ra làm quan được, ở nhà theo nghề dạy học, làm thuốc. . . để làm kế sinh nhai.

Những nhà Nho được đào tạo và thành hình qua nhiều triều đại nước ta. Họ đã đóng góp cho *sự tồn tại* và *phát triển* đất nước trong mọi lãnh vực dọc suốt chiều dài lịch sử một nghìn năm để xứng đáng được gọi là **kẻ sĩ**.

NHÀ NGÔ, ĐÌNH, TIỀN LÊ (939-1009)

Ba triều đại này không tồn tại được lâu, chỉ kéo dài có 70 năm. Các vua quan đều xây dựng sự nghiệp nhờ võ công.

Trong thời kỳ này, Nho giáo chưa được tin dùng. Những người được triều đình trọng dụng là những *tăng đồ Phật giáo*, thường là người hiểu biết cả về Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo gọi chung là *Tam giáo*. Và việc chọn nhân tài *không qua thi cử mà do tiến cử*. Chữ Hán lúc đó chủ yếu chỉ dùng để diễn dịch các kinh điển Phật giáo.

NHÀ LÝ (1010-1225)

Trong giai đoạn đầu, nhà Lý cũng áp dụng chính sách của ba triều đại trước là Ngô, Đinh và Tiền Lê, sử dụng các vị *sư thông hiểu Tam giáo* để giúp triều đình và tìm người tài giỏi giúp nước qua sự *tiến cử*.

Sau chiến thắng quân Tống, nhà Lý nhận thấy đất nước đã vững vàng, nhu cầu một thể chế cho triều đại *phong kiến trung ương tập quyền* là điều cần thiết nên vua Lý Thánh Tông (1054-1072) mong thực thi sự *cải cách theo Nho giáo* và *trọng dụng Nho học*, dù nhà vua là người rất sùng đạo Phật. {Ngài đã trở thành vị **sư tổ** ngành thiền *Thảo Đường* được thành lập tại chùa Khai Quốc (Trần Quốc) tại kinh đô Thăng Long. Các vị vua đầu nhà Lý rất sùng đạo Phật}.

Biểu hiện đầu tiên đối với Nho giáo của vua Lý Thánh Tông là:

a/ Xây nhà Văn Miếu

Xây nhà **Văn Miếu** năm **1070** để thờ *Khổng Tử*, vị Tổ sư Nho học, gồm cả *Chu công*, *Tứ phối* và vẽ tranh 72 vị tiên hiền tức học trò giỏi của Khổng Tử.

b/ Chọn nhân tài qua khoa cử

- Sang đời vua *Lý Nhân Tông* (1072-1127), năm **1075** cho mở khoa thi “*Nho học tam trường*”, thi 3 kỳ, để tuyển *Minh kinh bác học* (rõ nghĩa sách và học rộng), lấy 10 người, đỗ đầu là *Lê Văn Thịnh* được kể là *Trạng nguyên đầu tiên* của nước ta, và chính khoa thi này cũng là **khoa thi đầu tiên** chọn nhân tài qua khoa cử thay thế cho việc tiến cử như trước đây. **Nước ta bắt đầu có khoa cử từ đây.**

Năm **1076** vua cho xây **Quốc Tử Giám** bên cạnh ngay Văn Miếu và chọn quan văn giỏi trong triều dạy cho các Hoàng thái tử, con em các quan và hàng quý tộc ở đây.

- Đến đời vua *Lý Cao Tông* (1176-1185) mở khoa thi “*Tam giáo*”, những người thi đỗ gọi là *Tam giáo xuất thân* được bổ ra làm quan.

Tóm lại nhà Lý tổ chức tổng cộng được 7 khoa thi. Việc tổ chức thi cử chưa có định kỳ, còn thưa thớt, có khi tới 31 năm mà không có khoa thi nào.

Nhìn chung vào thời nhà Lý, ảnh hưởng của Phật giáo còn nặng nề nhưng kể từ đời vua thứ ba là Lý Nhân Tông trở về sau, sự phát triển Nho học và khoa cử cũng đã làm nền tảng cho những triều đại sau.

NHÀ TRẦN (1225-1400)

Vào cuối nhà Lý loạn lạc nhiều đưa đến việc nhà Trần thay thế. Trong những năm đầu của nhà Trần còn nhiều công cuộc bình định và chấn chỉnh lại tình hình đất nước.

1- Tổ chức thi cử

a/ Những khóa thi Thái Học Sinh

Tới năm **1232** mới mở được *khoa thi đầu tiên* dưới triều Trần về Nho học để tuyển nhân tài được bổ ra làm quan, tuy nhiên cũng chỉ là con cháu nhà quan trong triều được tuyển đi thi mà thôi.

Các khóa thi của nhà Trần đều gọi là **Thái Học Sinh**, những *học vị* cho những người thi đỗ thì thay đổi luôn:

*/ Đòi vua *Trần Thánh Tông* (1258-1278)

- Hai khóa đầu năm 1232, năm 1239 những người đỗ *Thái Học Sinh* được phân làm 3 hạng: *Đệ nhất giáp*,

Đệ nhị giáp

Đệ tam giáp.

- Năm **1246** định ra *Tam khôi* cho *Đệ nhất giáp* gồm Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

(Nguồn gốc cách gọi Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa:

Việc gọi Tiến sĩ cấp đệ Đệ nhất danh là Trạng nguyên bắt đầu từ thời Đường. Còn việc gọi Đệ nhị danh là Bảng nhãn, Đệ tam danh là Thám hoa bắt đầu từ thời Nam Tống. Về sau, các thời Nguyên, Minh, Thanh vẫn tiếp tục sử dụng cách gọi đó trong khoa trường)

- Để khuyến khích các sĩ tử ở miền xa kinh thành như Thanh Hóa, Nghệ An ... đặt ra hai danh hiệu *Kinh Trạng nguyên* dành cho thí sinh thi ở kinh đô, và *Trại Trạng nguyên* dành cho những thí sinh ở xa kinh đô. Nhưng việc này chỉ kéo dài được hai khoa thi năm 1256 đòi vua Trần Thái Tông (1225-1258) và năm 1266 đòi vua Trần Thánh Tông.

*/ Đòi vua *Trần Anh Tông* (1298-1341)

- Năm 1304 quy định thi *Thái học sinh* phải qua *tứ trường* (4 kỳ) thay cho thi *tam trường* (3 kỳ) như trước, tức là thêm một kỳ để loại những thí sinh yếu kém.

Thí sinh thi đỗ được chia làm 3 hạng:

-*Đệ nhất giáp* theo *Tam khôi* (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa)

-*Đệ nhị giáp*, người đỗ đầu gọi là *Hoàng giáp*

-*Đệ tam giáp* thì đều gọi chung là *Thái học sinh*

*/ Đòi vua *Trần Duệ Tông* (1341-1369)

-Năm **1374** quy định những ai đỗ đều được vào Hoàng cung để thi **Điện** trước sân rồng, đề thi do chính vua ra đề. Sau thi Điện, các Tiến sĩ được phân làm 3 hạng như cũ:

-*Đệ nhất giáp* theo *Tam khôi* (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa)

-*Đệ nhị giáp* đứng đầu là *Hoàng giáp*

-*Đệ tam giáp* đều gọi là *Tiến sĩ*. (thay vì *Thái học sinh*)

Danh hiệu **Tiến sĩ** có từ đây (Nhưng mãi tới năm **1442**, đời Lê Thái Tông mới chuyên dùng chữ “Tiến sĩ” để thay thế hẳn chữ “Thái học sinh”)

b/ Những cải cách thi cử cuối đời Trần

Năm **1396**, đời vua *Trần Thuận Tông* (1388-1393) được Hồ Quý Ly trình tâu *đổi thể lệ* thi Thái học sinh và được vua chấp thuận.

- Trước khi thi Thái học sinh phải qua kỳ thi **HƯƠNG** do các quan trấn, lộ tổ chức, ai đỗ được gọi là *Cử nhân*. Tên **Thi Hương** và học vị **Cử nhân** bắt đầu có từ đây.

- Chỉ những người đỗ Cử nhân mới được tới kinh đô vào thi **HỘI** (tức là kỳ thi *Thái học sinh* trước đó). Tên **thi Hội** bắt đầu có từ đây.

- Những người đỗ thi Hội mới được vào thi **ĐÌNH** (hay thi Điện) *để xếp hạng Tiến sĩ*.

Như vậy khoa năm 1396 có *thi Hương, thi Hội* và *thi Đình*. Thi Hương năm trước, thi Hội và thi Đình năm sau.

- Kỳ hạn các khoa thi:

Vua Trần Thái Tông định cứ *7 năm* có một khoa thi

2- Phép thi

- Đến năm 1304, đời vua *Trần Anh Tông* định lại phép thi, chương trình *4 kỳ* như sau:

- Kỳ đệ nhất: *thi ám tả*

- Kỳ đệ nhị: *thi kinh nghĩa, thơ phú*

- Kỳ đệ tam: *thi chiếu, chế, biểu*

- Kỳ đệ tứ: *thi văn sách*

- Năm 1396, đời vua *Trần Thuận Tông* bỏ ám tả và định

- Kỳ đệ nhất: *thi kinh nghĩa*

- Kỳ đệ nhị: *thi thơ, phú*

- Kỳ đệ tam: *thi chiếu, chế, biểu*

- Kỳ đệ tứ: thi văn sách

3- Tổ chức các khóa thi khác

Ngoài thi Nho học, nhà Trần còn mở thêm những khoa thi như:

- Năm 1247, vua *Trần Thái Tông* mở khoa thi *Tam giáo* (Phật, Lão, Nho).

- Năm 1274, vua *Trần Thánh Tông* mở khoa thi *Đạo tỳ* thi Phật học. Lý Đạo Tái đỗ đầu, sau là Tô Huyền Quang, **tổ thứ ba** của phái Thiền Trúc Lâm.

- Năm 1331, vua *Trần Minh Tông* cho thi khảo hạch các tăng đồ Phật giáo (hỏi về kinh Kim Cang)

- Năm 1396, vua *Trần Thuận Tông* cho thi chọn các tăng thông hiểu kinh Phật.

4- Tu bổ Văn Miếu

Đời vua *Trần Thái Tông*, năm **1253**, tu sửa Văn Miếu và đổi Quốc Tử Giám thành **Quốc Học Viện**.

Tóm lại, nhà Trần tồn tại 175 năm, ngoài việc tôn tạo Văn Miếu, mở rộng Quốc Tử Giám thời Lý, đặt thành Quốc Học Viện, còn:

- Du nhập kinh sách Nho học thời Tống để giảng dạy tại đây.

- Kiện toàn dần chế độ thi cử Nho học và đặt *Học quan*

- Cho mở trường ở địa phương.

- Mở được 16 khoa thi Nho học.

Nhìn chung nhà Trần đã phát triển Nho học có từ đời nhà Lý lên một tầm mức mới và làm căn bản để Nho học phát triển rực rỡ ở thời Lê, Mạc sau này.

[Ở đời Lý và đời Trần triều đình lại đặt khoa thi Tam giáo (Nho, Phật, Lão), xem thế đủ biết không những Nho học và Phật học thịnh hành, mà Lão học cũng không bị bài xích. Ở hai đời ấy, người ta đương chịu ảnh hưởng của Tam giáo đồng nguyên.

Phép thi bấy giờ, trải nhiều lần cải biến nên đã tinh tường. Sang triều Lê đại khái đều phỏng như thế].

(Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, Đào Duy Anh)

NHÀ HỒ (1400-1407)

1- Hồ Quý Ly (1400)

Khởi nghiệp trong triều đình nhà Trần, Hồ Quý Ly đã từng là:

- Lính phụng ngự cho vua Trần Dụ Tông (1341-1369), nhờ văn võ song toàn và nhờ vào thế lực của hai người cô đều là phi tần của vua Trần Minh Tông (1314-1329)

- Trở thành võ quan và phò mã, rồi trở nên Đồng bình Chương sự tức Phó Tế tướng đời vua Trần Nghệ Tông (1370-1372)

- Giữ chức “Thái sư phụ chính” đời vua Trần Thuận Tông (1388-1398) vì vua lên ngôi mới 13 tuổi. Vua Thuận Tông lấy con gái Hồ Quý Ly và Hồ Quý Ly cho xây thành Tây kinh ở Thanh Hóa để toan tính cướp ngôi nhà Trần.

- Năm **1400**, Hồ Quý Ly ép vua *Trần Thiếu Đế* (1398-1400) nhường ngôi cho mình. Nhà Trần mất ngôi vua vào tay nhà Hồ từ đây.

2- Những cải cách giáo dục và thi cử

a/ Giao thời giữa nhà Trần và nhà Hồ

Hồ Quý Ly đề nghị vua Trần Thuận Tông:

- Cải cách thi cử bằng mở thi Hương, thi Hội, thi Đình từ năm 1396.

- Mở trường dạy đạo Khổng ở địa phương năm 1397.

- Dùng chữ Nôm thay cho chữ Hán trong việc giảng dạy và trong kinh điển Nho học. Ông cho dịch Kinh Thi ra chữ Nôm gọi là “*Quôn ngữ Thi nghĩa*”, tức giải thích Kinh Thi bằng chữ Nôm.

- Ông viết cuốn “*Minh đạo*” gồm 14 thiên khảo cứu một số vấn đề liên quan đến học thuyết của Nho học.

b/ Sau khi Hồ Quý Ly lên ngôi vua (1400)

Nửa năm sau khi lên ngôi vua, Hồ Quý Ly mở khoa thi *Thái học sinh* năm 1400 tại kinh đô mới ở Tây kinh, Thanh Hóa. Đây là khóa thi duy nhất của nhà Hồ lấy đỗ 20 người và được bổ ra làm quan. Vài người trong số này đã trở thành cột trụ nhà Lê như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Nguyễn Mộng Nguyên, Vũ Mộng Nguyên ...

3- Tổ chức thi cử dưới thời nhà Hồ

a/ Tổ chức thi cử

Đến năm 1404, *Hồ Hán Thương* định lại 3 năm một kỳ thi, nhưng vì nhà Hồ quá ngắn ngủi nên chưa thực hiện được thì đã mất ngôi vào tay quân Minh. Mãi đến năm 1463, đời vua Lê Thánh Tông mới thực hiện được lệ này.

- Cứ tháng 8 năm nay thi Hương, ai đỗ được miễn lao dịch.

- Tháng 8 năm sau nữa thi Hội, ai đỗ được tuyên bố.
- Tháng 8 năm sau nữa thi Đình, ai đỗ thì được gọi là Thái học sinh.

b/ Về phép thi

Phép thi phỏng theo *tam trường* (3 kỳ) của nhà Nguyên bên Trung quốc, nhưng lại chia thành *tứ trường* (4 kỳ) và thêm *một kỳ thi viết và thi toán, tổng cộng là 5 kỳ*. Cụ thể là

- kỳ 1: thi *viết và toán*
- kỳ 2: thi *minh kinh, nghi kinh*
- kỳ 3: thi làm *ché cáo, biểu* theo cỗ thể
- kỳ 4: làm *thơ, phú*
- kỳ 5: thi *kinh sách* về văn sử hay thời sự

Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương (1401-1407) rồi lên làm Thái Thượng Hoàng.

Nhìn chung, nhà Hồ chưa có thời gian để thay đổi được nhiều thì nhà Minh xâm lược nước ta, nhà Hồ lo chiến tranh nên việc thi cử không thể thực hiện được. Năm 1407 thì nước ta mất vào tay nhà Minh, Hoàng tộc Quý Ly và quần thần bị nhà Minh đưa sang Trung quốc.

NHÀ HẬU LÊ - THỜI LÊ SƠ (1428-1527)

1- Thời Lê Sơ là thời kỳ hưng thịnh của Nho học.

**/ Đời vua Lê Thái Tổ (1428-1433)*

- Nhà Minh hoàn thành việc xâm lược nước ta bằng việc đánh bại nhà Hồ. Nhà Minh có mở khoa thi nhưng kẻ sĩ đều trốn tránh không chịu ra thi. Phép thi cử bỏ mặc cho đến khi vua Lê Lợi đánh thắng quân Minh, khôi phục giang sơn với quốc hiệu Đại Việt.

- Năm **1426**, Lê Lợi tiến quân ra Bắc, đóng quân ở dinh Bồ Đề (bên kia sông Hồng đối diện với Thăng Long), liền hạ lệnh thi văn học, đầu đề bài thi: *Bảng văn dụ thành Đông Quan*, lấy đỗ 50 người, sung bổ chức *An phủ* các lộ bên ngoài và chức *Viên ngoại lang* ở 6 bộ trong Kinh. Khoa này Đào Công Soạn, người Tiên Lữ, Hưng Yên đỗ đầu.

- Năm **1428** Lê Lợi lên ngôi vua tức vua Lê Thái Tổ. Vua chăm lo việc củng cố đất nước sau chiến tranh song vẫn lo và đào tạo nhân tài.

- *Trẫm nghĩ, muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được hiền tài phải do tiến cử. Cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên*

Lời vua Lê Thái Tổ hạ lệnh cho các đại thần văn võ, đại phu từ tam phẩm trở lên phải tiến cử người hiền tài vào năm 1429.

- Đầu năm **1429** vua Thái Tổ cùng có *Quốc Tử Giám* ở Kinh đô (Đông Kinh) và mở trường Nho học ở các lộ, phủ, châu, huyện bao gồm cả trường công, tư. Tuy ngài chưa tổ chức được thi Hội, thi Đình, nhưng đã tổ chức được những *khoa thi bất thường* để chọn nhân tài

- Năm 1429, mở khoa thi *Minh kinh* tức hiểu rõ kinh truyện.

- Năm 1431 mở khoa thi *Hoành từ* tức văn hay học rộng.

**/* Đời vua *Lê Thái Tông* (1434-1442)

Đời vua Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (**1334**), định phép thi chọn kẻ sĩ. Nhà vua ra chiếu rằng: *Muốn có nhân tài, trước hết phải chọn người có học, phép chọn người có học thì thi cử là đầu. Nước ta từ khi trải qua binh lửa, anh tài ít như lá mùa thu, tuấn sĩ thưa như sao buổi sớm. Thái Tổ ta mới dựng nước, đã lập ngay trường học, nhưng lúc mới mở mang, chưa đặt khoa thi. Ta noi theo chí tiên đế, muốn cầu được người hiền tài để thỏa lòng mong đợi. Nay định điều lệ khoa thi, hẹn tới năm Thiệu Bình thứ 5 (1438) thì thi Hương ở các đạo, đến năm thứ 6 (1439) thì thi Hội ở đô sảnh đường.*

Từ đó phép thi cứ *ba năm* một khoa thi, đặt làm thường lệ. Ai thi đỗ đều cho là *Tiến sĩ xuất thân* theo thứ bậc khác nhau.

- Sau khi lên ngôi được 6 tháng, vua Lê Thái Tông đã mở khoa thi *tuyển học sinh*, lấy đỗ 1000 người, chia ra làm 3 bậc: bậc nhất, bậc nhì vào học ở Quốc Tử Giám; bậc ba học ở các lộ (tỉnh).

- Bắt đầu năm **1438**, QUY ĐỊNH thi Hương ở các đạo, năm sau thi Hội ở Kinh đô. *Cứ 3 năm một lần thi Hội*. Người nào thi đỗ được gọi là *Tiến sĩ xuất thân*. Quy định như vậy nhưng chưa thực hiện được khóa thi Hương hay thi Hội nào. Trên thực tế mãi tới năm **1442**, triều đình mới mở được khoa *thi Hội đầu tiên*, và lệ *3 năm một khoa* cũng mãi tới năm 1463 dưới đời vua *Lê Thánh Tông* mới thực hiện được vì biến động lịch sử nội bộ.

- Năm 1442 có kỳ thi Hội, 450 người dự thi, 33 người đỗ vào thi Đình để phân hạng. Chia ra làm 3 hạng;

- *Đệ nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ*, 3 người, (thay cho Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa của nhà Trần).

- *Đệ nhị giáp Tiến sĩ cấp đệ xuất thân*, 7 người, đỗ đầu là Hoàng giáp.

- *Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân*, 23 người.

Đây là khoa thi duy nhất dưới đời vua Lê Thái Tông.

*/ Đời vua *Lê Nhân Tông* (1443-1459)

Năm 1442, vua Lê Thái Tông đột ngột qua đời khi đi kinh lý khi trở về Thăng Long. Triều đình tôn và hoàng gia lập người con thứ ba của vua Lê Thái Tông là Lê Bãng Cơ lên ngôi tức *Lê Nhân Tông*, lúc đó vua mới có hơn một tuổi. Tuy nhiên triều đình cũng dựa vào quy định của vua *Lê Thái Tông* mà tổ chức được 2 khoa thi *Hương* và thi *Hội* vào những năm 1448 và 1453, tuyển được 56 Tiến sĩ.

- Năm 1448, vua *Lê Nhân Tông* chia Tiến sĩ làm 3 hạng:

- *Cấp đệ*,

- *Chánh bảng*

- *Phụ bảng*.

*/ Đời vua *Lê Thánh Tông* (1460-1497)

Nho học và thi cử thời nhà Lê lên tới **cực điểm** ở đời vua Lê Thánh Tông, và đưa Nho học lên hàng **độc tôn**.

- Định lệ lễ tế Văn Miếu ở địa phương như trấn, lộ một năm hai lần, một lần vào mùa xuân và mùa thu.

- Mở mang thêm **Quốc Tử Giám**, xây thêm 3 dãy **nhà Giám sinh** để làm nơi ăn học cho *tuyển giám sinh* gồm:

- *Thượng xá sinh*, dành cho những người thi Hội trúng *tam trường*

- *Trung xá sinh*, dành cho những người thi Hội trúng *nhị trường*

- *Hạ xá sinh*, dành cho những người thi Hội trúng *nhất trường*

- Cấp sách cho các học sinh trường công ở phủ, lộ để học và tham khảo

- Năm 1466 ngài lại đặt ra lệ **xướng danh** (gọi tên những người trúng tuyển một cách long trọng) và lệ **vinh quy** (rước về nguyên quán)

- Năm **1484**, ngài chủ trương **dựng bia Tiến sĩ** từ khóa Nhâm Tuất **1442** đời vua Lê Thái Tông trở về sau. Ngay năm 1484 đã dựng 10 bia đá đề tên Tiến sĩ dựng hai bên bờ đông và tây hồ *Thiên quang* trong khuôn viên Văn Miếu-Quốc Tử Giám và lập sổ “*Đăng khoa lục*” ghi chép khoa thi và tên những người đỗ.

- Cải cách luật lệ thi cử

- Mở khoa thi đều đặn cứ *3 năm* một lần, bắt đầu kể từ năm 1463

- Quy định chữ húy

- Thi cử chia làm 2 mức:

- Thi Hương ở địa phương tại một số trấn, lộ. Người đỗ 4 kỳ gọi là *huong công*, người đỗ 3 kỳ gọi là *sinh đồ*. Hai tên **Hương công** và **Sinh đồ** bắt đầu có từ đây.

- Thi Hội ở kinh đô, người đỗ gọi chung là **Tiến sĩ** (dân gian gọi là **ông nghè**).

2- Tổ chức thi cử

a/ *Phép thi Hương*

Kể từ năm 1462

- Phải tuân theo lệ “Bảo kết thi Hương”, quan địa phương và xã trưởng phải làm giấy xác nhận *phẩm chất đức hạnh* của thí sinh, không phải là con của nhà *phường chèo hát xướng* hay *phản nghịch*. Đồng thời thí sinh phải khai quê quán *lý lịch tam đại*, và học thuật của mình tức *chuyên học kinh nào*.

- Trước khi vào thi (4 kỳ) thí sinh phải qua một kỳ *thi ám tả* tức thi viết để loại bớt thí sinh kém. Đề mục thi 4 kỳ gồm:

- Kỳ thứ nhất thi *Tứ thư*

- Kỳ thứ hai thi *chiếu, chế, biểu* dùng cổ thể hay tứ lục

- Kỳ thứ ba thi *phú* và *thơ*, thơ dùng Đường luật, phú dùng cổ thể hay văn tuyển từ 300 chữ trở lên

- Kỳ thứ tư thi một bài *văn sách*, kinh sử hay việc đương thời, bài phải từ 1000 chữ trở lên.

- Thi đỗ *Hương công*, tức trúng *tứ trường* được sung vào **Tăng Quảng Đường** tức **Quốc Tử Giám**; đỗ *Sinh đồ* tức trúng *tam trường* thì sung về học ở phủ, lộ đợi kỳ thi Hương sau. Nếu trúng *hai kỳ* về làm dân miễn phụ dịch, nếu trúng *một kỳ* thì về làm dân vẫn chịu phụ dịch như thường lệ, nếu *không trúng kỳ nào* thì phải sung quân.

b/ *Phép thi Hội*

- Năm 1483, muốn được vào thi Hội phải đỗ Hương công ở kỳ thi Hương. (Trước năm 1481, Hồng Đức thứ 12 chưa đỗ thi Hương cũng được vào thi Hội).

- Cũng 3 năm một kỳ, sau thi Hương một năm.

- Thể lệ thi cũng chia ra làm 4 kỳ.

Đề thi thay đổi mỗi năm. Thí dụ kỳ năm 1472:

-Kỳ 1: Kinh nghĩa Gồm *Tứ Thư* 8 đề, *Luận Ngữ* 4 đề, *Mạnh Tử* 4 đề, thí sinh gộp lại chọn 4 đề; *Ngũ Kinh* 3 đề, thí sinh chọn một đề; riêng kinh *Xuân Thu* gồm 2 đề, thí sinh gộp làm một mà làm bài.

- Kỳ 2: *Chế, chiếu, biểu*, mỗi loại 3 đề

- Kỳ 3: *Thơ phú*, mỗi loại 2 đề, phú dùng thể Lý Bạch

- Kỳ 4: *Văn sách* một bài

c/ Phép thi Đình

- Sau thi Hội, những người trúng cả 4 kỳ được vào thi Đình hay thi Điện. Đề bài thi về *văn sách* do vua trực tiếp ra để *phân thứ hạng cao thấp cho các Tiến sĩ*.

Trong đời vua Lê Thánh Tông, với 37 năm cầm quyền đã mở được 12 kỳ thi Hội và thi Đình, tuyển được 500 Tiến sĩ để được bổ làm quan và hưởng bổng lộc theo học vị đỗ.

Năm 1484, vua Lê Thánh Tông lại **đổi học vị** những Tiến sĩ của thời Lê Nhân Tông:

- Cấp đệ làm *Tiến sĩ cấp đệ*.

- Chánh bảng làm *Tiến sĩ xuất thân*.

- Phụ bảng làm *Đồng Tiến sĩ xuất thân*

Học vị này dùng đồng nhất trên các bia đá ở Văn Miếu-Quốc Tử Giám.

- Ngoài các kỳ thi Tiến sĩ vua Lê Thánh Tông còn mở các khoa khác:

- Khoa *Hoành từ* nhằm đánh giá trình độ các quan trong triều

- Khoa *Khảo sát* các quan đã nhận chức 3 năm

- Khoa *Khảo sát* học lực của các con quan.

Sau đời Lê Thánh Tông, các vua Lê Hiến Tông, Lê Uy Mục, Lê Tương Dực, Lê Chiêu Tông, Lê Cung Hoàng thời gian trị vì đều ngắn ngủi, trung bình từ 5 tới 7 năm, tuy vậy mỗi vị vua đều tổ chức được 2 khoa thi Hội và thi Đình, tổng cộng 10 khoa, tuyển được 399 Tiến sĩ các hạng.

Tính từ năm 1442 đến năm 1526 gồm 26 khoa, lấy 989 người đỗ tiến sĩ, mà có 63 người dự vào tam khôi, thế là thịnh đạt lắm

(Lê Quý Đôn)

Khoa cử các đời, thịnh nhất là đời Hồng Đức. Cách lấy đỗ rộng rãi, cách chọn người công bằng, đời sau không thể theo kịp.

(Lời bàn của soạn giả Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí)

NHÀ MẠC (Nam Bắc triều) (1527-1592)

1- Bối cảnh lịch sử

Năm 1527, *Mạc Đăng Dung* (1527-1529) ép vua Lê nhường ngôi và lên làm vua. Đến năm 1592 triều Mạc lánh nạn lên Cao Bằng và tồn tại tới năm 1667 mới chấm dứt hoàn toàn. Triều Mạc có thể chia làm hai giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất từ 1527 tới 1592, ở Đông Kinh, *có tổ chức thi cử*
- Và giai đoạn thứ hai từ 1592 tới 1667, ở Cao Bằng *không còn thi cử*

Trong thời gian từ 1527 tới 1595, triều đình nhà Mạc ở Thăng Long được gọi là *Đông Kinh* để phân biệt với *Tây Kinh* ở Thanh Hóa thuộc nhà *Lê Trung hưng*. Giai đoạn lịch sử này tồn tại hai vương triều còn gọi là *Bắc triều* chỉ nhà Mạc cai quản từ Thanh Hóa trở ra, và *Nam triều* chỉ nhà Lê Trung hưng cai quản từ Thanh Hóa trở vào Nam.

Tuy trong *giai đoạn thứ nhất*, nhà Mạc chỉ tồn tại có *65 năm* nhưng có nhiều thành tựu trong giáo dục Nho học và thi cử tuyển chọn nhân tài:

- *Xây kinh đô thứ hai* ở nơi quê Mạc Đăng Dung ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, nay là huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng, và ở đây cũng xây trường học như ở Đông Kinh.

- Ở các địa phương lập *Hội Tư văn* gồm những Nho sinh ở xã, và *Văn chỉ* hay *Văn từ* để làm nơi thờ tự các bậc tiền bối và khuyến khích các con em học tập.

- Ngoài hệ thống *trường công* ở kinh đô và các phủ, lộ còn hệ thống *trường tư* ở địa phương như *huong học* ở làng

2- Tổ chức thi cử

Đối với việc thi cử, duy trì thi Hương ở các địa phương, trước khi thi Hội và thi Đình ở kinh đô. Để được thi Hương, vẫn duy trì lệ xã, huyện phải theo "*lệ bảo kết*" để bảo đảm phẩm chất đạo đức, lý lịch tam đại của thí sinh. Quy định mỗi huyện chỉ được chọn *không quá 200* sĩ tử thi Hương.

Nhà Mạc quy định định kỳ cho những kỳ thi

- Thi Hương cứ *3 năm* một kỳ, vào những năm *Tý, Ngọ, Mão, Dậu*
- Thi Hội thì cứ *3 năm* sau kỳ thi Hương, vào những năm *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi*
- Thi Hội và thi Đình cách nhau *8 tháng*, thi Hội vào *mùa xuân*, thi Đình vào *mùa thu* (tháng 8,9).

3- Phép thi cử

Nhà Mạc sau khi tiếm ngôi nhà Lê cũng theo phép nếp thi cử của nhà Lê, cứ 3 năm mở một khoa thi như cũ.

a/ Phép thi Hương

Gồm 4 kỳ, đỗ kỳ trước mới vào kỳ sau.

- Kỳ 1: *Kinh nghĩa* gồm 4 hoặc 5 đề về Tứ Thư, Ngũ Kinh.

- Kỳ 2: *Chiếu, biểu* mỗi loại một bài theo *cổ thể* thường gọi là *văn tứ lục* hay *biên ngẫu*.

- Kỳ 3: *Một bài thơ* theo Đường luật và *một bài phú* theo *cổ thể* từ 300 chữ trở lên.

- Kỳ 4: *Một bài văn sách* rút từ các kinh, sử, tử, tập hoặc về thời sự, dài từ 1000 chữ trở lên.

Thi đỗ cả 4 kỳ, tức đỗ *Hương cống* mới được vào thi Hội.

b/ Phép thi Hội, thi Đình

Cũng gồm 4 kỳ. Người đậu thi Hội mới được vào thi Đình. Thi Đình do chính đích thân nhà vua ra đề thi để *phân thứ bậc cao thấp những tân Tiến sĩ* ở kỳ thi Hội.

Khoa thi Tiến sĩ *đầu tiên* của nhà Mạc vào năm 1529 tại Văn Miếu, kỳ thi *cuối cùng* vào năm 1592 tại dinh Bồ Đề bên kia sông Hồng vì kinh thành Thăng Long bị quân của nhà Lê Trung hưng, do tướng Trịnh Tùng chỉ huy, vây vào lúc đó.

Với 22 khoa thi, nhà Mạc đã lấy đỗ 472 Tiến sĩ, trong đó có 13 Trạng nguyên.

NHÀ LÊ - THỜI LÊ TRUNG HƯNG (1533-1789)

Năm Quý Ty 1533, các trung thần nhà Lê do tướng Nguyễn Kim tập hợp đã lập vua Lê Trang Tông (1533-1548) tại Sầm Nứa, nước Lào, để đánh nhà Mạc khôi phục lại triều Lê, gọi là Lê Trung hưng. Ít lâu sau triều đình dọn về đất Xuân Trường, huyện Lôi Dương nay là huyện Thọ Xương tỉnh Thanh Hóa để đóng đô gọi là *Tây Kinh*. Đến năm 1593 triều Lê Trung Hưng chuyển về *Đông Kinh* (Thăng Long), sau khi đuổi được nhà Mạc vào năm 1592.

1- Thời gian có chiến tranh với nhà Mạc

Năm 1533 tới 1592, triều Lê Trung hưng cố gắng khôi phục lại nền giáo dục, thi cử để đào tạo và chọn nhân tài.

*/ Năm 1554, vua *Lê Trung Tông* (1548-1556) mới mở khoa thi. Buổi đầu mở một *ché khoa*. Triều đình đã mở những khoa thi chế khoa là những khoa thi đặc biệt. Phép thi cũng giống như thi Hội trước đây, người đỗ mang học vị Tiến sĩ. Nhưng các Tiến sĩ chế khoa chỉ được chia làm hai hạng: *Đệ nhất giáp chế khoa* và *Đệ nhị giáp chế khoa* chứ không có danh hiệu Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

*/ Năm 1558, vua *Lê Anh Tông* (1556-1573), mới bắt đầu mở thi Hương trở lại. Những người đỗ thi Hương mới được vào thi *ché khoa*. Mở được 2 khoa chế khoa vào những năm 1554, 1565.

*/ Năm 1590 vua *Lê Thế Tông* (1573-1599) mở thi Hội. Từ đó về sau theo lệ *3 năm* một khoa như thời Tiền Lê nhưng cách thi cử còn sơ lược. Mở được 2 khoa chế khoa vào những năm 1577, 1587.

2- Thời gian sau khi chiếm lại được Đông Kinh (Thăng Long) năm 1592.

Mặc dù đã lấy lại được *Đông kinh*, nhà Lê Trung hưng vẫn còn có chiến tranh với nhà Mạc một thời gian dài cho tới năm 1667 mới yên hẳn. Tuy nhiên triều Lê vẫn chú trọng tới giáo dục và thi cử, nhưng khoa cử thời đó *không được nghiêm* như đời Lê Sơ (Hậu Lê gồm hai thời kỳ: Lê Sơ và Lê Trung hưng).

*/ Trước năm Canh Tý 1660, các kỳ thi Hương còn cho học trò *đem sách vào trường*, nhưng đến năm 1664 đời vua *Lê Huyền Tông* (1663-1671), *Trịnh Tạc* mới quy định lại thi Hội đã cấm việc này và cho khảo lại các *sinh đồ* 3 khoa trước đó tức những khoa thi năm 1657, 1660, 1663. Và quay trở lại như trước, các kỳ thi Hương, quan địa phương phải sát hạch trước. Còn thi Hương thì đến năm 1678, đời vua *Lê Hy Tông* (1676-1705) mới *định lại điều lệ rõ ràng*. Nhưng vào cuối thời Lê Trung hưng *nạn mua quan bán chức*, gian lận trong thi cử xảy ra nhiều.

*/ Đời vua *Lê Hiến Tông* (1740-1786), vì triều đình thiếu tiền, sĩ tử phải *nộp tiền* “*thông kinh*”. Hễ ai nộp ba quan tiền thì được vào thi Hương, không phải khảo hạch thành ra những người làm ruộng, đi buôn ai cũng được nộp quyền vào thi. Rồi kẻ mang sách vào trường thi, kẻ thuê người làm bài nên kẻ thực học mười người không được một. Tình trạng mua bán, thi cử hộ xảy ra rất nhiều. Nhiều *Sinh đồ* (*tam trường*) chỉ cần mất 3 quan cho quan trường, do vậy mới có loại “*Sinh đồ 3 quan*” dốt nát.

NHÀ NGUYỄN - THỜI CÁC CHÚA “ĐÀNG TRONG”

Năm Canh Tý 1600, Nguyễn Hoàng đem quân từ Đông Kinh đi dẹp loạn ở Nam Định đã cùng các tướng tâm phúc ra biển dong thuyền buồm thẳng về Thuận Hóa –Quảng Nam, khởi đầu cho công cuộc xây dựng giang sơn cho nhà Nguyễn Đàng Trong đối nghịch với nhà Lê-Trịnh Đàng Ngoài.

Công việc chính của 9 đời chúa Nguyễn là đã mở mang đất nước từ đèo Cù Mông thuộc Phú Yên tới tỉnh Hà Tiên ngày nay. Việc giáo dục nằm trong hệ thống trường tư chứ không có hệ thống trường công.

Trung ương chỉ có các “Ty” như *Xá sai ty* tức tư pháp, *Tướng thân lại ty* tức cơ quan tài chánh và thuế, *Lệnh sử ty* phụ trách nghi lễ tế tự.

Nhìn chung việc thi cử ở Đàng Trong không được chú trọng. Tuy nhiên các chúa Nguyễn cũng đã mở một số kỳ thi để *chọn người biết chữ* để giúp việc hành chính tại Vương phủ ở trung ương và địa phương trên những phần đất mới mở mang.

*/ Bắt đầu có thi cử từ đời chúa “Phật” Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1634), mở các khoa thi “*Xuân thiên quận khi*” thi trong một ngày, người đỗ được gọi là **Nhiêu học** và được miễn sai dịch 5 năm để học tiếp. Ngoài ra còn mở các khoa thi *Hoa văn* để tuyển người biết viết chữ Hán để bổ vào các Ty.

*/ Đời chúa “Thượng” Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) định ra “Thu vi Hội thí” gồm hai khoa *Chính đồ* và *Hoa văn*, cứ 9 năm mở một kỳ tại phủ chúa ở Phú Xuân. Người đỗ khoa *Chính đồ* được chia làm 3 hạng Giáp, Ất, Bính: *Giáp khoa chính đồ*, *Ất khoa chính đồ* và *Bính khoa chính đồ*. Người đỗ *Hoa văn* cũng chia làm hai hạng.

*/ Đời chúa “Hiền” Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) đặt thêm khoa *Thám phỏng* hỏi về việc binh, việc dân, việc vua Lê-chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Chúa Hiền bãi bỏ khoa thi *Nhiêu học* và khoa thi *Hoa văn* trong “Hội thí” mùa thu năm 1684.

*/ Đời chúa “Nghĩa” Nguyễn Phúc Thái (1687-1691), năm 1689 chúa cho mở lại khoa thi *Hoa văn*.

*/ Đời chúa “Quốc” Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), năm 1695 mở khoa thi *Văn chức* và *Tam ty* ở phủ chúa tuyển dụng quan chức cho Tam ty.

*/ Đời chúa “Võ” Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) định lại phép thi *Thu vi Hội thí* gồm 4 kỳ, kỳ 1 trúng cách gọi là *Nhiêu học tuyển trường*; kỳ 2 và 3 trúng cách gọi là *Nhiêu học thí*, kỳ 4 trúng cách gọi là *Hương cống* được bổ làm tri phủ, tri huyện, hoặc Huân đạo.

NHÀ TÂY SƠN (1788-1802)

Sau khi *Nguyễn Huệ* giết được chúa Nguyễn Phúc Thuần, đưa *Nguyễn Nhạc* lên làm vua lập nên nhà Nguyễn Tây Sơn ở *Đàng Trong*. Sau đó diệt quân Thanh, chiếm Bắc Hà, Nguyễn Huệ lên ngôi vua hiệu là *Quang Trung* (1788-1792).

Nhà Tây sơn kéo dài được 24 năm. Tuy thời gian ngắn ngủi nhưng sau khi thắng quân Thanh vua Quang Trung đã chú ý đến việc giáo dục và đã ban chiếu xây dựng việc học “... *Việc đời lúc trị lúc loạn là lẽ tuần hoàn, song sau khi loạn càng phải hưng khởi chấn chỉnh, lập giáo hóa, đặt khoa cử. Đó là quy mô lớn chuyển loạn thành trị vậy*”.

Vua Quang Trung đã:

- Xử dụng những người đỗ *Hương cống* cũ mà chưa được bổ dụng.
- Các *Nho sinh* và *Sinh đồ* đều đợi đến kỳ vào thi. Loại “*Sinh đồ ba quan*” thời Lê Trung hưng đều trả về thương dân.
- Chủ trương dùng chữ Nôm thay cho chữ Hán và được dùng trong văn bản hành chính và trong học hành thi cử.
- Lập *Viện Sùng chính* do La San phu tử *Nguyễn Thiếp* làm viện trưởng dịch các sách chữ Hán sang chữ Nôm.
- Mở khoa thi “*Tuần sĩ*” cho người Nghệ An.

Những dự định thay đổi của vua Quang Trung chưa kịp thực hiện được thì vua Quang Trung qua đời sau đó mấy năm ở tuổi 40. Con ngài là *Nguyễn Quang Toản* lên thay nhưng vì vua còn nhỏ tuổi (10 tuổi), triều đình Tây Sơn có nhiều tranh chấp nội bộ nên cuối cùng mất vào tay *Nguyễn Ánh* để lập nên nhà Nguyễn vào năm 1802.

NHÀ NGUYỄN - THỜI THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1802-1945)

Nhà Nguyễn khởi đầu từ vua Gia Long *Nguyễn Phúc Ánh* năm 1802, kéo dài được 13 đời vua tính đến năm vua Bảo Đại thoái vị vào năm 1945. Tính ra nhà Nguyễn kéo dài được 143 năm.

Nền giáo dục và thi cử thời Nguyễn có thể chia ra làm hai thời kỳ:

- Thời kỳ còn độc lập, chưa bị người Pháp đô hộ
- Thời kỳ Pháp đô hộ

1- Thời kỳ độc lập chưa bị người Pháp đô hộ

- Thời kỳ đầu của giai đoạn này, thi cử và học hành gần như rập theo khuôn phép nhà Lê.

- Ngay từ đời vua Gia Long, ở địa phương đã đặt quan chức về giáo dục

- *Đốc học* ở cấp trấn nay là tỉnh.

- *Huấn thụ* hay Giáo thụ ở cấp phủ, dưới tỉnh.

- *Huấn đạo* ở cấp huyện.

- *Giáo chức* và *trợ giáo* trực tiếp giảng dạy ở cấp tỉnh.

- Vào đời vua *Minh Mạng* (1820-1840). Lập nhà **Quốc học** sau gọi là **Quốc tử giám**.

- Lập *trường công lập* tại các trấn, phủ, huyện. Còn từ cấp tổng, xã trở xuống do dân tự lo liệu lấy.

- Rất chú trọng về việc *in sách giáo khoa* như Tứ Thư, Ngũ Kinh, Sử và những sách giúp thêm cho việc học hành thi cử được cấp phát cho các trường.

- Vẫn giữ lệ *xướng danh* và *vinh quy, khắc bia Tiến sĩ* theo như trước. Bia Tiến sĩ nhà Nguyễn được đặt tại **Văn Miếu** ở kinh thành Huế.

a/ Tổ chức thi cử

Thi cử vẫn theo nhà Hậu Lê, có hai kỳ thường lệ là thi Hương, thi Hội và thỉnh thoảng lại mở các khoa thi bất thường nữa.

***/ Thi Hương.**

- Vua *Gia Long* cho mở khoa **thi Hương đầu tiên** vào năm **1807**. Định cứ **6 năm** một kỳ. Chương trình thi theo đúng thời Hậu Lê

- Năm 1825 vua *Minh Mạng* lại định **3 năm** một kỳ vào các năm *Tý, Mão, Ngọ, Dậu*. Thi Hương tại 7 trường gồm Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định, Gia Định.

- Người thi trúng cả 4 kỳ thì được gọi là **Cử nhân**, thay cho tên *Hương cống* dưới triều Lê. Người trúng 3 kỳ được gọi là **Tú tài**, thay cho tên *Sinh đồ* dưới triều Lê. Người đỗ Tú tài *hai lần* gọi là *Tú kép*, đỗ Tú tài *ba lần* gọi là *Tú mền*. Người trúng 2 kỳ gọi là *đỗ Nhị trường*, trúng 1 kỳ gọi là *đỗ Nhất trường*. Năm 1832 vua *Minh Mạng* bớt một kỳ còn thi 3 kỳ.

- Đến năm 1850, vua *Tự Đức* (1847-1888) quy định lại thành 4 kỳ cho cả thi Hương và thi Hội, trúng kỳ trước mới được vào thi kỳ kế tiếp, khác với trước đó thi một mạch hết 3 trường rồi mới chấm bài. Năm 1885 vua *Tự Đức* lại hạ xuống 3 kỳ

- Đến năm 1884, vua *Kiến Phúc* (1883-1884), trừ 3 kỳ trước lại thêm một kỳ **phúc hạch** (xét lại).

- Đến đời vua *Đông Khánh* (1886-1888) sáp nhập hai trường thi Hà Nội và Nam Định thành trường thi tại Hà Nam.

**/ Thi Hội*

- Trong đời *Gia Long* chưa có thi Hội.

- Thi Hội được mở *lần đầu tiên* vào năm **1832** đời vua *Minh Mạng*. Định kỳ 3 năm một lần vào những năm *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi* tại kinh thành Huế. Phép thi Hội phải qua 4 kỳ, người đỗ cả 4 kỳ được vào thi *Đình* hay còn gọi là thi *Điện* để phân hạng. Các Tiến sĩ cũng *chia ba giáp* như đời nhà Hậu Lê.

- Những người có số điểm cao nhưng chưa đủ để vào thi Đình được gọi là *Phó bảng*, không phải là Tiến sĩ. Người đỗ cao nhất của thi Đình là Bảng nhãn và kẻ đó là *Thám hoa*. Nhà Nguyễn không lấy *Trạng nguyên* (1).

- Năm 1829, *Minh Mạng* thứ 10, dưới *Tiến sĩ* lại lấy thêm *Phó bảng*. Các người đỗ phó bảng được viết tên riêng trên *bảng phụ*, khác với bảng chính ghi tên các tiến sĩ. Danh hiệu **Phó bảng** bắt đầu có từ đây.

- Kỳ thi Hội hay kỳ thi Nho học **cuối cùng** vào năm **1919**, đời vua *Khải Định* (1916-1925).

**/ Khoa thi bất thường*

Ngoài những khoa thi thường lệ, triều Nguyễn mở thêm những khóa thi khác, người đỗ cũng là Tiến sĩ:

- Các khoa *ân khoa* (khoa thi gia ân) cả Hương lẫn Hội, khi trong nước có sự vui mừng như lễ đăng quang (vua lên ngôi), lễ vạn thọ . . .

- Các khoa đặc biệt như *hoành từ, nhĩ sĩ* vào đời vua Tự Đức.

b/ Thể thức và phép thi

Thể thức

**/ Thi Hương* chia làm 4 kỳ hay 4 trường, có khi chỉ có 3 kỳ. Thể thức được chia làm hai cách:

- Thí sinh thi cả 4 kỳ rồi quan trường mới chấm theo văn bài để lấy đỗ hay đánh hỏng, lệ ấy gọi là *quán quyển*.

- Thí sinh trúng kỳ trước sau mới được vào thi kỳ sau kế tiếp.

*/ *Thi Hội* cũng được chia làm 4 kỳ hay 4 trường. Trúng cả bốn trường thì được vào thi Đình. Thi Đình không phải là một khoa thi riêng biệt mà chỉ là giai đoạn cuối cùng của thi Hội.

*/ *Thi Đình* (đình là sân) vì thi ở sân cung đình nhà vua chứ không phải làm lều. Thi Đình để phân hạng, người nào có đủ “số phân” (2) được lấy đỗ *Tiến sĩ*, ít “số phân” thì đỗ *Phó bảng*.

Phép thi (cho cả thi Hương lẫn thi Hội)

- Năm 1832, vua *Minh Mạng* sửa lại phép thi, rút lại còn 3 kỳ cho cả thi Hương lẫn thi Hội.

- Kỳ đệ nhất: thi *kinh nghĩa*

- Kỳ đệ nhị: thi *thơ, phú*

- Kỳ đệ tam: thi *văn sách*

- Năm 1850, vua *Tự Đức* lại lập lại 4 kỳ cho cả thi Hương và thi Hội

- Kỳ đệ nhất: thi *kinh nghĩa*

- Kỳ đệ nhị: *văn sách*

- Kỳ đệ tam: thi *chiếu, biểu, luận*

- Kỳ đệ tứ: thi *thơ, phú*

Còn thi Đình thi một bài *đối sách*.

- Năm 1858, vua *Tự Đức* lại rút xuống 3 kỳ, bỏ kỳ thi *thơ, phú*

- Kỳ đệ nhất: thi *kinh nghĩa*

- Kỳ đệ nhị: thi *chiếu, biểu, luận*

- Kỳ đệ tam: thi *văn sách*

- Năm 1876, vua *Tự Đức*, kỳ đệ nhị bỏ thi *chiếu, biểu, luận* mà thay vào đó thi *thơ, phú*.

- Năm 1884, vua *Kiến Phúc*, ngoài 3 kỳ trước lại thêm kỳ ***phúc hạch*** thi lược lại một bài *kinh nghĩa*, một bài *phú* và một bài *văn sách* để kiểm tra lại. Tới năm 1906 thì kỳ phúc hạch chỉ thi một bài *văn sách*.

2- Thời kỳ Pháp đô hộ

Năm 1906, chương trình thi Hương và thi Hội đổi lại. Ngoài sự thay đổi về phần thi chữ Nho của thi cử cũ, các khoa thi còn có phần thi chữ ***quốc ngữ*** gồm một bài *luận văn*, những câu hỏi về *địa dư, cách trí* và *toán pháp*, lại thêm bài *dịch, bài luận tiếng Pháp*.

Trong suốt gần 100 năm (1822-1919) nhà Nguyễn đã mở được 40 khoa thi Tiến sĩ Nho học, lấy đỗ 293 người trong đó có 11 người đỗ Tam khôi, được khắc tên trên 32 bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Huế.

Tóm lại khoa cử ở nước ta, kể từ đầu đời Lý tới nhà Trần đã có định lệ, tới nhà Lê đã có lệ vinh danh hậu đãi người có khoa mục. Chương trình thi cử cũng từ nhà Lý tới nhà Nguyễn đều “đại đồng tiêu dị”, *chỉ chú trọng vào văn chương mà không trọng về khoa học thực dụng*. Riêng chỉ có nhà Hồ là có *thi toán*, có ý lưu tâm tới thực học, nhưng triều đại này lại quá ngắn ngủi chưa thực hiện được gì.

GHI CHÚ

(1) Về triều Nguyễn, vua Gia Long đặt ra cái luật “tứ bất” (Không đặt quan Tể tướng, không lấy Trạng nguyên, không lập tước Vương, Không phong Hoàng hậu) nên trong thi cử, nhà Nguyễn không lấy *trạng nguyên*.

(2) Từ dưới triều Lê, trong thi Đình người ta chấm điểm bằng “phân”.

Muốn phân biệt hơn kém của 3 giáp, người ta phải theo định lệ “gấp đôi”

Thí dụ:

Đông tiến sĩ một phân, Nhị giáp tiến sĩ hai phân, Nhị giáp tiến sĩ đệ nhất danh (Hoàng giáp) 4 phân, Thám hoa 8 phân, Bảng nhãn 16 phân, Trạng nguyên phải 32 phân. Tóm lại,

- Đệ nhất giáp (Tam khôi):

- Trạng nguyên 32 phân (Thời Nguyễn là Đình nguyên)

- Bảng nhãn 16 phân

- Thám hoa 8 phân

- Đệ nhị giáp:

- Hoàng giáp 4 phân

- Nhị giáp Đông Tiến sĩ 2 phân

- Đệ tam giáp:

- Đông Tiến sĩ xuất thân 1 phân

- Phó bảng:

- Những người được nửa (1/2) phân được gọi là Phó bảng hay Ất bảng.

Bài khá có chữ phê “*Văn lý đặc phân*”

Bài kém có chữ phê “*Văn lý bất cập phân*”. Những người bài có lời phê này thì bị loại.



Trở lại MỤC LỤC THI CỬ NGÀY XƯA